

Số: 78 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc bổ sung phạm vi ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tại Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Lego Manufacturing Việt Nam ngày 13 tháng 10 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4735 /TTr-CCBVMT ngày 25 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Lego Manufacturing Việt Nam tại số 1 Đường số 3, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III, phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Công ty TNHH Lego Manufacturing Việt Nam, giai đoạn 1, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH Lego Manufacturing Việt Nam, giai đoạn 1, công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 1 Đường số 3, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III, phường Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 3703067162 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 06 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3703067162

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất đồ chơi và các bộ phận của đồ chơi bằng nhựa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư (giai đoạn 1):

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Diện tích xây dựng nhà xưởng, kho bãi của giai đoạn 1 là 140.104,1m² (trong tổng diện tích của Công ty là 447.946 m²), gồm:

+ Các hạng mục công trình chính phục vụ sản xuất (diện tích: 84.966,61m²), bao gồm: Nhà xưởng ép nhựa 1 là 8.700,60m², nhà xưởng ép nhựa 2 là 11.648,37m², nhà xưởng đóng gói sản phẩm sơ bộ 1 là 9.394,61m², nhà xưởng đóng gói sản phẩm sơ bộ 2 là 9.211m², nhà xưởng đóng gói sản phẩm 1: 10.129,20m², kho hàng: 19.079,96m², kho hàng tự động: 8.486,25m² và nhà kiểm tra sản phẩm: 8.316,62m².

Các hạng mục công trình phụ trợ (diện tích: 53.258,67m²), bao gồm: nhà bảo vệ là 2.585,18m², nhà dịch vụ là 13.116,37 m², nhà văn phòng là 5.665,65 m², nhà bơm là 241,56 m², Silo nhà bơm là 257,61m², bãi đậu xe có mái che là 19.877,45 m², bãi đậu xe máy là 1.177,72m², nhà phát điện 1 là 3.581,64 m², khu vực làm mát – nhà phát điện 1 là 2.990,81 m², trạm biến áp 1 là 410m², khu vực trạm biến áp là 1.706,87m², máy phát điện 1 là 70,49m², máy phát điện 2 là 66,52m², hành lang 1 là 275,49m², hành lang 2 là 380,22m².

Các hạng mục bảo vệ môi trường (diện tích: 1.878,82 m²), bao gồm: nhà rác 1 là 435,33m² (khu vực lưu chứa CTRSH: 40m², khu vực lưu chứa CTRTT: 295,33m² và khu vực lưu chứa CTNH: 100m²), nhà rác 3 là 262,19m² (khu vực lưu chứa CTRTT: 162,19m² và khu vực lưu chứa CTNH: 100m²), khu vực xử lý nước thải là 986,23 m², cụm bể xử lý nước thải là 195,07m².

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 30.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Lego Manufacturing Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Lego Manufacturing Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 25 tháng 10 năm 2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Công ty TNHH Lego Manufacturing Việt Nam, giai đoạn 1, công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm./

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Lego Manufacturing Việt Nam;
- Sở Xây dựng;
- Sở Công thương;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- UBND phường Phú Chánh;
- Công ty LD TNHH KCN Việt Nam - Singapore;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang5.

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,****XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78 /GPMT-STNMT ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (Toàn bộ nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (01 vị trí tại nhà xưởng đóng gói sản phẩm 1, 01 vị trí tại nhà bảo vệ 2, 01 vị trí tại kho hàng), nước rửa tay từ các bồn lavabo và nhà ăn với lưu lượng khoảng 30m³.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (07 vị trí tại khu vực văn phòng, 01 vị trí tại nhà phát điện 1, 01 vị trí tại nhà kiểm tra sản phẩm, 01 vị trí tại nhà bảo vệ 1) với lưu lượng khoảng 33,91m³.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (01 vị trí tại nhà xưởng 1-2, 06 vị trí tại nhà dịch vụ) với lưu lượng khoảng 26m³.

- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa hộp P-box với lưu lượng khoảng 16 m³/ngày.

- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn vệ sinh lưới lọc nước trong hệ thống làm mát với lưu lượng khoảng 1,12 m³/ngày.

- Nguồn số 06: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa dụng cụ bằng máy siêu âm với lưu lượng khoảng 7,04 m³/ngày.

- Nguồn số 07: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát với lưu lượng khoảng 11,8 m³/ngày.

Nước thải từ mỗi nguồn (nước thải sinh hoạt từ nguồn số 01, 02, 03 và nước thải sản xuất từ nguồn số 04, 05, 06, 07) được thu gom bằng đường ống HDPE đường kính

200mm → 29 trạm bơm trung gian ($Q=10\text{m}^3/\text{h}$, $H=8\text{m}$) → Bơm theo đường ống HDPE đường kính 100mm → Hệ thống ống HDPE đường kính 200mm → Trạm xử lý nước thải công suất $236\text{m}^3/\text{ngày}$ → Tự chảy theo đường ống HDPE đường kính 150mm, dài khoảng 82,5m → Đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp trên đường D3A → Trạm xử lý nước thải của khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tách mỡ: 01 bể với thể tích 3m^3 , kích thước (dài x rộng x cao (m)): $1,5 \times 1 \times 2$ (m).
- Trạm xử lý nước thải công suất $236\text{m}^3/\text{ngày}$, gồm các bể (kích thước dài x rộng x cao (m)) như sau: Bể lắng cát ($2,4 \times 2,4 \times 4,5$), bể bùn hoạt tính (ngăn 1: $6,9 \times 6,6 \times 4,5$; ngăn 2: $11,15 \times 4,55 \times 4,5$), bể lắng sinh học ($4 \times 4 \times 4,5$), ngăn thu bùn ($1,5 \times 1,5 \times 4,5$), bể khử trùng ($2,4 \times 1,4 \times 4,5$).

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (nước thải nhà ăn sau bể tách dầu mỡ, nước thải từ nhà vệ sinh, nước từ lavabo, nước rửa tay...) và nước thải sản xuất → Trạm bơm trung gian ($Q=10\text{m}^3/\text{h}$, $H=8\text{m}$) → Bể lắng cát → Bể bùn hoạt tính → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hố ga thu gom nước thải trên đường D3A → Đầu nối về Trạm xử lý nước thải của Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III.

Công suất thiết kế của Trạm xử lý nước thải: $236\text{m}^3/\text{ngày}$.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch Caustic soda (NaOH), Dung dịch sodium hypochlorite (NaClO), Poly Aluminium Chloride, Polyacrylamide.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Trường hợp xảy ra sự cố, Chủ dự án phải tiến hành dừng hoạt động hoặc giảm công suất sản xuất; tiến hành rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành hệ thống để xác định nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục, cải tạo hoặc nâng cấp công trình xử lý; đồng thời báo cơ quan có chức năng để phối hợp xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 236 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 mẫu nước thải đầu vào trước khi vào bể lắng cát của hệ thống xử lý nước thải.
- 01 mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép của khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III.

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN VSIP III
1	pH	-	6-9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	400
3	BOD ₅	mg/L	400
4	COD	mg/L	600
5	Amoni	mg/L	8
6	Tổng N	mg/L	20
7	Tổng P	mg/L	5
8	Dầu khoáng và chất béo	mg/L	5
9	Clo dư	mg/L	1
10	Coliform	MPN / 100 ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả xử lý: tối thiểu là 15 ngày/lần (5 lần trong vòng 75 ngày đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải);

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 1 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với 1 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 05 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 05 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 05 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 30 ngày, chủ dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Thỏa thuận bằng văn bản với Chủ đầu tư khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III về việc đầu nối nước thải sau xử lý tại dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III đảm bảo không vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78 /GPMT-STNMT ngày 25 tháng 10 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

STT	Nguồn khí thải	
01	Nguồn khí thải số 01	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của nồi hơi cát 100kg/h dùng để vệ sinh khuôn (sử dụng nhiên liệu khí LPG)
02	Nguồn khí thải số 02	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của máy phát điện dự phòng số 1 (sử dụng nhiên liệu dầu DO)
03	Nguồn khí thải số 03	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của máy phát điện dự phòng số 2 (sử dụng nhiên liệu dầu DO)
04	Nguồn khí thải số 04	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của khu vực bếp ăn (sử dụng nhiên liệu khí LPG)

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)
01	Dòng khí thải số 01	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của nồi hơi cát 100kg/h	X = 1231039 Y = 612835
02	Dòng khí thải số 02	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của máy phát điện dự phòng số 1	X = 1231211 Y = 612878
03	Dòng khí thải số 03	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của máy phát điện dự phòng số 2	X = 1231096 Y = 612544
04	Dòng khí thải số 04	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của khu vực bếp ăn	X = 1230758 Y = 613004

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả thải tối đa là 0,0098 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: lưu lượng tối đa 8.750m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: lưu lượng tối đa 8.750m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: lưu lượng tối đa 448m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Xả thải liên tục (24/24h).
- Dòng khí thải số 02, 03 và 04: Xả gián đoạn (khi có hoạt động máy phát điện và hoạt động nấu ăn).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi, Cột B, Kv =1, Kp =1), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối hạn	Quy chuẩn môi trường	Tần suất quan trắc định kỳ
Dòng khí thải số 01, số 02, số 03 và số 04					
1	Bụi	mg/Nm ³	200	QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Kv =1, Kp =1	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Chủ dự án tự đề xuất quan trắc với tần suất 6 tháng/lần
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Kv =1, Kp =1	
3	NO ₂	mg/Nm ³	850	QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Kv =1, Kp =1	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Kv =1, Kp =1	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom phát tán khí thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom và thải ra ngoài môi trường bằng ống thải có đường kính D200mm, chiều cao 2m.

Nguồn số 02 và nguồn số 03: Được thu gom và thải ra ngoài môi trường ống thải có đường kính D350mm, chiều cao 4,2m.

- Nguồn số 04: Được thu gom và thải ra ngoài môi trường bằng ống thải có đường kính D200mm, chiều cao 3m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: Không có

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng và thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, thiết bị để có biện pháp xử lý kịp thời. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo nồng độ khí thải ra môi trường đáp ứng theo các quy chuẩn hiện hành.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78 /GPMT-STNMT ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

STT	Nguồn phát sinh	
01	Nguồn số 01	Khu vực các máy nghiền
02	Nguồn số 02	Khu vực máy ép nhựa
03	Nguồn số 03	Khu vực máy phát điện dự phòng số 1
04	Nguồn số 04	Khu vực máy phát điện dự phòng số 2
05	Nguồn số 05	Khu vực Trạm xử lý nước thải

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

STT	Vị trí phát sinh	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°)
01	Nguồn số 01	X = 1231102, Y = 612782
02	Nguồn số 02	X = 1231079, Y = 612837
03	Nguồn số 03	X = 1231039, Y = 612835
04	Nguồn số 04	X = 1231096, Y = 612544
05	Nguồn số 05	X = 1230584, Y = 613086

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần (Không thuộc đối tượng quan trắc. Chủ dự án tự đề xuất quan trắc với tần suất 6 tháng/lần)	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần (Không thuộc đối tượng quan trắc. Chủ dự án tự đề xuất quan trắc với tần suất 6 tháng/lần)	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:
 - + Đối với máy nghiền, máy ép nhựa: Được bố trí tại khu vực nhà xưởng riêng, máy nghiền được tích hợp chung với máy ép nhựa để hạn chế tiếng ồn phát sinh, lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn.
 - + Đối với máy phát điện dự phòng: Được bố trí tại khu vực riêng biệt có trang bị hệ thống tiêu âm, tường và vách thiết kế cách âm.
 - + Lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn, có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.
 - + Bố trí cho công nhân các dụng cụ an toàn lao động phù hợp.
 - + Đảm bảo diện tích cây xanh xung quanh theo đúng quy định.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Các động cơ công suất lớn được đặt trên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, giảm thiểu độ rung khi hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78 /GPMТ-STNMT ngày 25 tháng 0 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giấy lau, găng tay bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	6.300	18 02 01
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	500	18 01 02
3	Bao bì, thùng chứa hóa chất bằng nhựa	Rắn	1.000	18 01 03
4	Bóng đèn thải	Rắn	20	16 01 06
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12
6	Hộp mực in thải	Rắn	10	08 02 04
7	Tấm pin mặt trời hư hỏng	Rắn	280	19 02 08
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	26.856,7	12 06 06
TỔNG			34.976,7	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì, thùng carton thải bỏ không chứa thành phần nguy hại	18 01 05	Rắn	4.000
2	Găng tay, giẻ lau, khẩu trang, quần áo không chứa thành phần nguy hại	18 02 02	Rắn	1.000
3	Nhựa phế liệu	03 02 12	Rắn	215,8
4	Cát thạch anh thải bỏ	03 02 11	Rắn	73,98
5	Bùn thải từ hệ thống thoát nước	11 05 06	Bùn	18.162,4
Tổng			23.452,18	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh,...), khối lượng khoảng 1.798,2 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 02 khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích lần lượt là 100m²/khu vực tại nhà rác 1 ở phía Đông dự án và nhà rác 3 ở khu vực phía Tây dự án.

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu kho chứa, hoạt động thu gom, xử lý đối với các loại chất thải nguy hại tuân theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường cụ thể như sau: Móng BTCT M250 tiết diện 300x300, tường móng xây bằng gạch đặc, vữa XM mác 75. Dầm móng chọn tiết diện 220x500mm, đổ BTCT toàn khối mác 250, đá 1x2. Phần thân: Kết cấu khung thép chịu lực, tường 2 mặt xây gạch xây cao 2m dày 220mm, vữa XM mác 50. Trát tường vữa XM mác 75 dày 20mm. Phía trên lợp tôn bao quanh, chống được va đập nhẹ, chống ẩm, chống thấm, cách âm tốt. Kết cấu mái: xây tường thu hồi, gác xà gỗ thép, lợp tôn, kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được tập kết về kho chứa rác thải thông thường.

- Các loại phế liệu có khả năng tái chế (nhựa phế liệu, giấy và bao bì thùng carton thải bỏ không chứa thành phần nguy hại) được thu gom lưu chứa vào khu vực riêng và chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu theo quy định;

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải: 02 khu vực lưu chứa phế liệu, chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích lần lượt là 295,33m² đặt tại nhà rác số 1 ở phía Đông của dự án và 162,19m² đặt tại nhà rác số 3 ở khu vực phía Tây dự án.

- Kết cấu: Kết cấu kho chứa, hoạt động thu gom, xử lý đối với các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường tuân theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Móng BTCT M250 tiết diện 300x300, tường móng xây bằng gạch đặc, vữa XM mác 75. Dầm móng chọn tiết diện 220x500mm, đổ BTCT toàn khối

mác 250, đá 1x2. Phần thân: Kết cấu khung thép chịu lực, tường 2 mặt xây gạch xây cao 2m dày 220mm, vữa XM mác 50. Trát tường vữa xi măng mác 75 dày 20mm. Phía trên lợp tôn bao quanh, chống được va đập nhẹ, chống ẩm, chống thấm, cách âm tốt. Kết cấu mái: xây tường thu hồi, gác xà gồ thép, lợp tôn, kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom, phân loại vào các thùng rác có nắp đậy loại 660L nhựa HDPE và lưu trữ tại khu vực lưu chứa được bố trí tại nhà rác 1 có diện tích 40m². Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

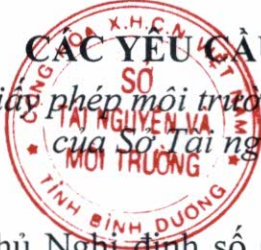
- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **78** /GPMT-STNMT ngày **25** tháng **10** năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)



1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất và các văn bản liên quan.
3. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.
8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
9. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
10. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
11. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.